

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 10 năm 2019

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Lan Phương

2. Bà Đặng Thị Liễu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:**  
Ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1976

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V; nơi ở hiện nay: Thôn ĐĐ, xã T, huyện L, tỉnh V, có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Quang T), sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật cho anh Thắng: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1955 (mẹ đẻ anh T)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13 tháng 8 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Tg vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh V. Kết hôn xong, chị về chung

sống cùng gia đình anh T được 1 tháng thì gia đình cho vợ chồng chị ra ăn ở riêng trên đất và nhà của gia đình anh T. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bố mẹ anh T không chia đất cho vợ chồng chị nên từ đó vợ chồng chị thường xuyên cãi chửi nhau. Trong lúc cáu giận anh T có đánh chị và chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 04/2016, vợ chồng chị ly thân nhau từ đó cho đến nay. Vợ chồng chị và gia đình hai bên không dàn xếp gì. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Minh L2, sinh ngày 08/8/2004 và Nguyễn Thu T1, sinh ngày 04/5/2008. Hiện nay cháu Tđang sống cùng chị, cháu L2 đang sống cùng anh T và bố mẹ anh T. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cháu T1 để anh T trực tiếp nuôi cháu L2 và chị hỗ trợ tiền cho anh T nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 11/2019.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị L từ chối yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Văn T mất năng lực hành vi dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phối hợp cùng chính quyền địa phương vào tại gia đình anh Nguyễn Văn T để lấy lời khai của anh. Song, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2019, người đại diện theo pháp luật cho anh T là bà Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ anh T) trình bày: Anh T bị bệnh tâm thần, có lúc tỉnh táo, có lúc không. Các lần Tòa án báo gọi, gia đình bà có nhận được giấy triệu tập, thông báo của Tòa án nhưng anh T bệnh tật nên không đi được và cũng không làm việc được với Tòa án. Do vậy, bà L1 đề nghị Tòa án không cần gặp trực tiếp anh T và bà cũng từ chối đề nghị Tòa án tuyên bố anh T mất năng lực hành vi dân sự, bà từ chối đề nghị trợ giúp pháp lý cho anh T.

Về quan hệ hôn nhân của chị L và anh T, bà L1 cho biết: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời gian ly thân như chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị hòa thuận, hạnh phúc, anh chị chỉ có một vài mâu thuẫn nhỏ liên quan đến chuyện ăn uống hằng ngày, hơn nữa do anh T bị bệnh nên có một vài lần tát chị L một vài cái, không đánh đập chị L như chị L trình bày. Chị L tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2016 cho đến nay, gia đình bà đã nhiều lần khuyên bảo, động viên chị L về ở cùng anh T nhưng chị L không nghe, không quan tâm đến anh T. Nay chị L xin ly hôn anh T, bà nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Như chị L trình bày là đúng. Ly hôn, bà đề nghị để chị L trực tiếp nuôi cả hai con, vì hiện nay anh T bị bệnh, không tự nuôi sống bản thân, phụ thuộc vào tiền trợ cấp hàng tháng của Nhà nước.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của anh T và chị L: Không có gì.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung, anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị L. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các bên không đề nghị nên không xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị L xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có người đại diện theo pháp luật tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn T là cuộc hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng do gia đình anh T không cất đất cho vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Đến tháng 04/2016, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến anh T nữa và vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ.

Đại diện theo pháp luật cho bị đơn anh Nguyễn Văn T là bà Nguyễn Thị L1 có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lan và anh T được ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị L, anh T đã trầm trọng, vợ chồng có thời gian ly thân từ tháng 04/2016 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn, điều đó thể hiện đời sống chung của anh chị không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và quan điểm của đại diện bị đơn là hoàn toàn tự nguyện nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

Về con chung: Xét về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung chưa thành niên sau khi ly hôn của các bên là như nhau. Tuy nhiên, hiện nay anh T đang bị bệnh, bản thân anh T cũng cần có người chăm sóc, thu nhập hàng tháng phụ thuộc vào tiền trợ cấp của Nhà nước, không có nguồn thu nhập nào khác và cũng để đảm bảo sự ổn định, phát triển cho các cháu sau này, cháu Nguyễn Minh L2 cũng bị bệnh tâm thần, không tự chăm sóc được bản thân nên cần giao cho chị Lan trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh L2, sinh ngày 08/8/2004 và Nguyễn Thu T1, sinh ngày 04/5/2008 là phù hợp.

Do anh T bị bệnh, không có nguồn thu nhập nào khác ngoài khoản tiền trợ cấp hàng tháng của Nhà nước nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh L2, sinh ngày 08/8/2004 và Nguyễn Thu T1, sinh ngày 04/5/2008. Anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị L.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000224 ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lê Thị Nga**